

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017



Tháng 03 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Tổng Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/07/2017
Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/07/2017
Ông Vũ Hải Vĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/07/2017
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/07/2017
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/07/2017
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Ông Lưu Hoàng Long	Thành viên	

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Ông Lưu Hoàng Long	Tổng Giám Đốc	Miễn nhiệm ngày 28/07/2017
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung	Bổ nhiệm ngày 26/07/2017
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/07/2017
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán trưởng	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành khẳng định rằng ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 28.3, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

PHE DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo Giấy ủy quyền số 0004/UQ/ĐT-VP ngày 04/01/2018 của Ông Lê Thanh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, Ông Nguyễn Tiến Dũng – Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền là người ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, kể từ ngày 01/08/2017 Công ty áp dụng Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.



Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành

Nguyễn Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Số: 166 /2018/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 26/03/2018, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (Doanh nghiệp) Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác, các Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ.



Nguyễn Minh Long
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 0666- 2018- 112- 1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số 2334- 2018- 112- 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		382.393.121.622	412.216.357.998
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	119.604.562.264	155.081.937.642
Tiền	111		20.692.143.205	23.357.391.809
Các khoản tương đương tiền	112		98.912.419.059	131.724.545.833
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		238.755.898.559	235.671.596.370
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	207.513.259.191	169.926.268.966
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	14	21.992.851.150	30.767.100.106
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	17.032.713.077	27.786.455.177
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	16.095.560.181	17.185.467.082
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7,8,14	(23.878.485.040)	(9.993.694.961)
Hàng tồn kho	140		18.049.208.352	16.251.411.142
Hàng tồn kho	141	9	18.049.208.352	16.251.411.142
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.983.452.447	5.211.412.844
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		149.740.149	276.047.205
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.806.571.082	4.908.224.423
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	27.141.216	27.141.216
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		341.801.770.551	327.383.974.128
Các khoản phải thu dài hạn	210		96.245.200	109.093.904
Phải thu dài hạn khác	216	8	96.245.200	109.093.904
Tài sản cố định	220		56.536.193.600	59.383.958.697
Tài sản cố định hữu hình	221	11	38.767.053.600	41.614.818.697
- Nguyên giá	222		57.710.027.009	57.710.027.009
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.942.973.409)	(16.095.208.312)
Tài sản cố định vô hình	227	12	17.769.140.000	17.769.140.000
- Nguyên giá	228		18.109.230.400	18.109.230.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(340.090.400)	(340.090.400)
Tài sản dở dang dài hạn	240	10	5.075.157.760	5.075.157.760
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.075.157.760	5.075.157.760
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	280.035.007.567	262.580.855.900
Đầu tư vào công ty con	251		310.891.300.745	310.891.300.745
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		40.122.608.312	40.122.608.312
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		-	5.240.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(70.978.901.490)	(93.673.053.157)
Tài sản dài hạn khác	260		59.166.424	234.907.867
Chi phí trả trước dài hạn	261		59.166.424	234.907.867
TỔNG TÀI SẢN	270		724.194.892.173	739.600.332.126

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		210.060.392.570	208.968.049.453
Nợ ngắn hạn	310		210.060.392.570	208.968.049.453
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	188.662.043.061	164.518.790.255
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		664.358.245	21.790.127.224
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	72.818.978	2.502.769.964
Phải trả người lao động	314		4.931.717.143	3.504.199.996
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		439.662.649	63.045.058
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		378.962.500	1.361.700.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.204.056.523	7.454.097.725
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	3.180.822.896	6.142.950.532
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.525.950.575	1.630.368.699
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		514.134.499.603	530.632.282.673
Vốn chủ sở hữu	410	18	514.134.499.603	530.632.282.673
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		38.679.596.792	38.679.596.792
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.454.902.811	53.952.685.881
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.247.256.405	42.461.672.182
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		13.207.646.406	11.491.013.699
TỔNG NGUỒN VỐN	440		724.194.892.173	739.600.332.126

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2017	Năm 2016
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	230.598.572.868	342.167.525.548
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	1.496.039.400	6.025.995
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		229.102.533.468	342.161.499.553
Giá vốn hàng bán	11	21	221.877.093.370	332.431.163.135
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.225.440.098	9.730.336.418
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	25.105.802.159	30.300.283.804
Chi phí tài chính	22	23	(20.562.807.944)	9.546.479.976
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.419.443.917	-
Chi phí bán hàng	25	24	194.564.458	582.607.329
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	39.323.435.797	20.971.502.421
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.376.049.946	8.930.030.496
Thu nhập khác	31		831.106.908	3.009.409.496
Chi phí khác	32		999.510.448	448.426.293
Lợi nhuận khác	40		(168.403.540)	2.560.983.203
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.207.646.406	11.491.013.699
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.207.646.406	11.491.013.699

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiên Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		183.616.076.356	269.910.992.159
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(195.920.434.218)	(275.390.769.418)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(11.159.701.217)	(16.311.072.271)
Tiền lãi vay đã trả	4		(1.419.443.917)	(10.097.139)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	(26.500.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		8.315.343.657	5.143.518.395
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(19.948.212.371)	(8.055.533.326)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(36.516.371.710)	(24.739.461.600)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	35.090.000
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	29.479.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	43.745.170.364
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.083.640.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.167.423.274	18.549.012.189
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		29.251.063.274	91.808.272.553
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		70.683.567.658	6.142.950.535
Tiền trả nợ gốc vay	34		(73.645.695.294)	(1.151.339.082)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.348.281.750)	(16.880.515.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.310.409.386)	(11.888.903.797)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(35.575.717.822)	55.179.907.156
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	155.081.937.642	99.835.224.043
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		98.342.444	66.806.443
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	119.604.562.264	155.081.937.642

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc




Nguyễn Tiến Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2017 là 100 người.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Kinh doanh quảng cáo, thông tin (trừ quảng cáo thuốc lá);
- Kinh doanh triển lãm;
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;
- Xây dựng Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh – truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện;
- Xây dựng công trình: Đường dây và trạm biến áp điện đến 500 KV, nhà máy điện công suất lên tới 1000 MW;
- Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500 KV;
- Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110 KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 KV;
- Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh cáo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu, đào tạo;
- Kinh doanh các thiết bị, sản phẩm linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo;
- Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là xuất nhập khẩu thiết bị liên quan đến ngành điện tử - tin học, cho thuê văn phòng, thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
I	Đơn vị trực thuộc			
	Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Đào tạo	
II	Công ty con			
1	Công ty CP Viettronics Đồng Đa	Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất, mua bán thiết bị điện	51,07%
2	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
3	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
4	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
5	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	65,00%
6	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, toàn nhà Sudico, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%
7	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Số 11B Phan Huy Chú, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

III Công ty liên doanh, liên kết

1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền Thông	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%
4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính này của Tổng Công ty được hợp cộng từ Báo cáo Văn phòng Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics (đơn vị hạch toán phụ thuộc). Các giao dịch và số dư nội bộ được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Tổng Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (v) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết, liên doanh và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 147/2016/TT-BTC và Thông tư 45/2013/TT-BTC.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất không trích khấu hao. Tỷ lệ khấu hao của phần mềm máy vi tính được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của tài sản ước tính là 05 năm.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.11 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Tổng Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, khách hàng chấp nhận thanh toán và xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch này. Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc về khả năng hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Tổng Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	202.806.342	640.314.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.489.336.863	22.717.077.266
Các khoản tương đương tiền (*)	98.912.419.059	131.724.545.833
	<u><u>119.604.562.264</u></u>	<u><u>155.081.937.642</u></u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Là các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đối với các bên liên quan, bao gồm:

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	10.525.889.482	21.279.631.582
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	6.506.823.595	6.506.823.595
	<u><u>17.032.713.077</u></u>	<u><u>27.786.455.177</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2017		01/01/2017		Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND				
- Đầu tư vào công ty con	310.891.300.745	(69.702.306.353)	241.188.994.392	310.891.300.745	(92.396.458.020)	218.494.842.725		
+ Công ty CP Viettronics Đồng Đa	11.372.554.053	-	11.372.554.053	11.372.554.053	-	11.372.554.053		
+ Công ty CP Điện tử Thủ Đức	75.462.731.429	(19.020.792.960)	56.441.938.469	75.462.731.429	(16.585.710.845)	58.877.020.584		
+ Công ty CP Điện tử Bình Hoà	15.198.723.728	-	15.198.723.728	15.198.723.728	-	15.198.723.728		
+ Công ty CP Viettronics Tân Bình	133.226.370.342	(12.771.594.341)	120.454.776.001	133.226.370.342	(48.042.882.341)	85.183.488.001		
+ Công ty CP Điện tử Biên Hoà	35.073.921.193	(13.347.921.193)	21.726.000.000	35.073.921.193	(5.123.042.163)	29.950.879.030		
+ Công ty CP công trình Viettronics	13.000.000.000	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-	13.000.000.000		
+ Công ty CP Viettronics Công Nghiệp	27.557.000.000	(24.561.997.859)	2.995.002.141	27.557.000.000	(22.644.822.671)	4.912.177.329		
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	40.122.608.312	(1.276.595.137)	38.846.013.175	40.122.608.312	(1.276.595.137)	38.846.013.175		
+ Công ty CP Máy tính và Truyền Thông	21.684.417.517	-	21.684.417.517	21.684.417.517	-	21.684.417.517		
+ Công ty CP Viettronimex	13.987.729.333	-	13.987.729.333	13.987.729.333	-	13.987.729.333		
+ Công ty ĐT Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	(1.276.595.137)	-	1.276.595.137	(1.276.595.137)	-		
+ Công ty CP CKĐT Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	-	2.278.518.130	2.278.518.130	-	2.278.518.130		
+ Công ty CP Máy tính Việt Nam	895.348.195	-	895.348.195	895.348.195	-	895.348.195		
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	5.240.000.000	-	5.240.000.000		
+ Công ty Bé tông ly tâm Thu Đức 1	-	-	-	5.240.000.000	-	5.240.000.000		
	351.013.909.057	(70.978.901.490)	280.035.007.567	356.253.909.057	(93.673.053.157)	262.580.855.900		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	207.513.259.191	(16.684.790.079)	169.926.268.966	(2.800.000.000)
- Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà	10.569.570.569	-	19.974.599.135	-
- Ban quản lý Dự án thủy điện 7	12.617.604.604	(9.502.807.343)	12.627.609.646	-
- Ban quản lý Dự án Các công trình Điện Miền Nam - Chi nhánh Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc Gia	2.029.606.253	-	14.241.212.227	-
- Công ty Truyền tải Điện 2	-	-	10.358.219.547	-
- Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia	145.605.475.920	-	94.124.993.101	-
- Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH một thành viên	3.820.257.298	-	4.836.110.687	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	30.070.744.547	(4.381.982.736)	10.963.524.623	-
	207.513.259.191	(16.684.790.079)	169.926.268.966	(2.800.000.000)

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình

13.308.680
13.308.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	16.095.560.181	(2.339.343.961)	17.294.560.986	(2.339.343.961)
- Tạm ứng	700.161.434	-	1.276.395.907	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	363.966.671	-
- Các khoản phải thu khác	15.395.398.747	(2.339.343.961)	15.654.198.408	(2.339.343.961)
+ Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	8.290.603.552	-	9.070.979.058	-
+ Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	(2.107.997.573)	2.107.997.573	(2.107.997.573)
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	727.549.722	-	770.961.727	-
+ Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An	2.694.230.000	-	2.694.230.000	-
+ Phải thu các đối tượng khác	1.575.017.900	(231.346.388)	1.010.030.050	(231.346.388)
Dài hạn	96.245.200	-	-	-
- Khoản phải thu Cổ phần hóa tại Trường CĐ Công nghệ Viettronics	64.245.200	-	-	-
- Trung tâm dịch vụ Thuận - Trường CĐ Công nghệ Viettronics	32.000.000	-	-	-
	16.191.805.381	(2.339.343.961)	17.294.560.986	(2.339.343.961)
Phải thu khác là các bên liên quan	17.079.336.333	-	10.281.831.839	-
- Công ty CP Viettronics Công nghiệp	8.290.603.552	-	9.070.979.058	-
- Công ty CP Điện tử Biên Hoà	309.051.054	-	309.051.054	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	6.809.920.000	-	-	-
- Công ty CP Viettronics Đồng Đa	898.800.000	-	112.360.000	-
- Công ty CP Máy tính & Truyền thông VN	-	-	18.480.000	-
- Công ty cổ phần Công trình Viettronics	770.961.727	-	770.961.727	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chỉ phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.995.088.352	-	16.197.291.142	-
Hàng hóa	54.120.000	-	54.120.000	-
	18.049.208.352	-	16.251.411.142	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5.075.157.760	5.075.157.760	5.075.157.760	5.075.157.760
+ Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182	4.453.348.182
+ Công trình tại Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	621.809.578	621.809.578	621.809.578	621.809.578
	5.075.157.760	5.075.157.760	5.075.157.760	5.075.157.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2017	50.100.632.433	6.728.900.013	880.494.563	57.710.027.009
31/12/2017	50.100.632.433	6.728.900.013	880.494.563	57.710.027.009
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2017	(10.061.497.719)	(5.355.008.195)	(678.702.398)	(16.095.208.312)
- Khấu hao trong năm	(2.348.612.836)	(379.985.277)	(119.166.984)	(2.847.765.097)
31/12/2017	(12.410.110.555)	(5.734.993.472)	(797.869.382)	(18.942.973.409)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2017	40.039.134.714	1.373.891.818	201.792.165	41.614.818.697
31/12/2017	37.690.521.878	993.906.541	82.625.181	38.767.053.600

- Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến 31/12/2017 là 6.887.409.079 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2017	17.769.140.000	340.090.400	18.109.230.400
31/12/2017	<u>17.769.140.000</u>	<u>340.090.400</u>	<u>18.109.230.400</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2017	-	(340.090.400)	(340.090.400)
31/12/2017	-	<u>(340.090.400)</u>	<u>(340.090.400)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2017	<u>17.769.140.000</u>	-	<u>17.769.140.000</u>
31/12/2017	<u>17.769.140.000</u>	-	<u>17.769.140.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	188.662.043.061	188.662.043.061	164.518.790.255	164.518.790.255
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	15.525.027.264	15.525.027.264	22.047.687.316	22.047.687.316
- Công ty Cổ phần YOTEK	18.235.594.741	18.235.594.741	28.129.478.169	28.129.478.169
- Công ty CP Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	6.272.554.350	6.272.554.350	-	-
- Công ty Cổ phần thương mại và dịch vụ Dầu khí Biển	132.482.547.687	132.482.547.687	110.341.725.392	110.341.725.392
- Công ty Cổ phần Kiến trúc và Môi trường	6.169.786.971	6.169.786.971	-	-
- Các đối tượng khác	9.976.532.048	9.976.532.048	3.999.899.378	3.999.899.378
	188.662.043.061	188.662.043.061	164.518.790.255	164.518.790.255

Phải trả người bán là các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	15.525.027.264	22.047.687.316	22.047.687.316
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.088.303.883	726.067.572	726.067.572

14. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.992.851.150	(4.854.351.000)	30.767.100.106	(4.854.351.000)
- Công ty CP Viettronics Thủ Đức	15.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển DHT Việt Nam	-	-	13.278.282.720	-
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	(4.854.351.000)	4.854.351.000	(4.854.351.000)
- Trả trước cho người bán khác	2.138.500.150	-	12.634.466.386	-
	21.992.851.150	(4.854.351.000)	30.767.100.106	(4.854.351.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán là bên liên quan	15.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Viettronics Thủ Đức	15.000.000.000	-	-	-

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm VND		Số đã thực nộp trong năm VND		31/12/2017	
	VND	VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp								
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	4.734.712	4.734.712	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	61.021.164	61.021.164	661.221.966	649.424.152	649.424.152	649.424.152	72.818.978	72.818.978
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	2.441.748.800	2.441.748.800	3.977.379.707	6.419.128.507	6.419.128.507	6.419.128.507	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-
	2.502.769.964	2.502.769.964	4.646.336.385	7.076.287.371	7.076.287.371	7.076.287.371	72.818.978	72.818.978

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.141.216	-	-	-	27.141.216	-	27.141.216
	27.141.216	-	-	-	27.141.216	-	27.141.216

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
Vay ngắn hạn	3.180.822.896	3.180.822.896	70.683.567.658	6.142.950.532
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (1)	3.180.822.896	3.180.822.896	70.683.567.658	6.142.950.532
	3.180.822.896	3.180.822.896	70.683.567.658	6.142.950.532

(1) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017/324800/HĐTD ngày 09/11/2017 với điều khoản:

Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá 30/11/2018;

Lãi suất: Lãi suất theo từng lần nhận nợ;

Tài sản đảm bảo: Các hợp đồng tiền gửi của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	10.204.056.523	7.454.097.725
- Kinh phí công đoàn	11.371.896	4.092.907
- Bảo hiểm xã hội	-	57.529.170
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.192.684.627	7.379.032.226
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	4.475.743.200	3.455.533.200
+ Công ty CP Viettronics Đồng Đa	37.805.211	150.165.211
+ Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.486.823.595	902.512.848
+ Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	-	780.375.506
+ Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông VN	428.400.000	-
+ Nộp tiền đất Long An	1.302.400.000	1.302.400.000
+ Các khoản phải trả khác	461.512.621	788.045.461
	10.204.056.523	7.454.097.725
Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông VN	428.400.000	-
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	3.486.823.595	902.512.848
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	-	780.375.506
- Công ty CP Viettronics Đồng Đa	37.805.211	150.165.211

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
Số 15 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	sau thuế	
	VND	VND	VND	VND
01/01/2016	438.000.000.000	34.299.596.792	50.422.531.026	522.722.127.818
- Lãi trong năm trước	-	-	11.491.013.699	11.491.013.699
- Phân phối quỹ	-	4.380.000.000	(6.954.855.372)	(2.574.855.372)
- Giám khác	-	-	(1.006.003.472)	(1.006.003.472)
31/12/2016	438.000.000.000	38.679.596.792	53.952.685.881	530.632.282.673
01/01/2017	438.000.000.000	38.679.596.792	53.952.685.881	530.632.282.673
- Lãi trong năm nay	-	-	13.207.646.406	13.207.646.406
- Chia cổ tức (*)	-	-	(26.280.000.000)	(26.280.000.000)
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(3.414.829.476)	(3.414.829.476)
- Giám khác (**)	-	-	(10.600.000)	(10.600.000)
31/12/2017	438.000.000.000	38.679.596.792	37.454.902.811	514.134.499.603

(*) Phân phối lợi nhuận theo nghị quyết 02/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và Báo cáo số 0533 CV/ĐT-TCKT ngày 16/08/2017.

(**) Điều chỉnh thuế GTGT theo Biên bản vi phạm hành chính về hóa đơn ngày 15/09/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Vốn góp của nhà nước	385.308.600.000	385.308.600.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	52.691.400.000	52.691.400.000
	438.000.000.000	438.000.000.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	26.280.000.000	-

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu từ các dự án	225.179.918.348	336.007.113.404
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.418.654.520	6.160.412.144
	230.598.572.868	342.167.525.548

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	1.496.039.400	6.025.995
	1.496.039.400	6.025.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn từ các dự án	219.077.972.812	329.144.836.507
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.799.120.558	3.286.326.628
	221.877.093.370	332.431.163.135

22. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	6.689.609.823	11.012.556.271
Cổ tức và lợi nhuận được chia	17.355.308.000	14.223.720.263
Lãi do bán các khoản đầu tư	843.640.000	4.856.085.663
Lãi chênh lệch tỷ giá	217.244.336	207.921.607
	25.105.802.159	30.300.283.804

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	1.419.443.917	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	711.899.806	49.127.744
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	9.112.044.233
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(22.694.151.667)	-
Chi phí tài chính khác	-	385.307.999
	(20.562.807.944)	9.546.479.976

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	39.323.435.797	20.971.502.421
Chi phí nhân viên quản lý	13.100.804.414	11.401.094.426
Chi phí đồ dùng văn phòng	66.094.887	-
Chi phí khấu hao	2.847.765.097	2.611.066.109
Chi phí dự phòng	13.884.790.079	(1.525.548.612)
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.286.967.253	277.461.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	412.272.727	277.096.364
Chi phí bằng tiền khác	5.724.741.340	7.930.332.534
Các khoản chi phí bán hàng	194.564.458	582.607.329
Chi phí dự thầu	74.932.420	-
Chi phí bằng tiền khác	119.632.038	582.607.329
	39.518.000.255	21.554.109.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.207.646.406	11.491.013.699
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	(17.355.308.000)	(14.223.720.263)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(17.355.308.000)	(14.223.720.263)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	217.433.429.816	338.771.852.040
Chi phí nhân công	15.564.783.696	15.204.926.568
Chi phí đồ dùng văn phòng	391.880.386	-
Chi phí dự phòng	13.884.790.079	(1.525.548.612)
Khấu hao tài sản cố định	2.847.765.097	2.872.851.837
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.286.967.253	277.461.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	487.205.147	340.141.422
Chi phí bằng tiền khác	9.296.069.361	11.759.189.473
	263.192.890.835	367.700.874.328

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Tổng Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.604.562.264	155.081.937.642
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.126.418.098	175.950.739.084
	318.730.980.362	331.032.676.726
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	3.180.822.896	6.142.950.532
Phải trả người bán và phải trả khác	198.854.727.688	171.897.822.481
Chi phí phải trả	439.662.649	63.045.058
	202.475.213.233	178.103.818.071
Trạng thái ròng	116.255.767.129	152.928.858.655

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Tổng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ không có khả năng thu hồi để đảm bảo kiểm soát được rủi ro tín dụng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Vay và nợ	3.180.822.896	-	3.180.822.896
Phải trả người bán và phải trả khác	198.854.727.688	-	198.854.727.688
Chi phí phải trả	439.662.649	-	439.662.649
	202.475.213.233	-	202.475.213.233
01/01/2017			
Vay và nợ ngắn hạn	6.142.950.532	-	6.142.950.532
Phải trả người bán và phải trả khác	171.897.822.481	-	171.897.822.481
Chi phí phải trả	63.045.058	-	63.045.058
	178.103.818.071	-	178.103.818.071

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều hành tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.604.562.264	-	119.604.562.264
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	199.030.172.898	96.245.200	199.126.418.098
	318.634.735.162	96.245.200	318.730.980.362
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	155.081.937.642	-	155.081.937.642
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	175.854.493.884	96.245.200	175.950.739.084
	330.936.431.526	96.245.200	331.032.676.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. THÔNG TIN KHÁC

28.1. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Ngoại tệ các loại:		
+ USD	109.330,40	46.368,61
+ EUR	678,12	62.598,60

28.2 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Điều hành

	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban điều hành	2.356.760.000
Tiền lương, thưởng	2.356.760.000

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm 2017</u>
	<u>VND</u>
Bán hàng	3.192.164.712
Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	2.673.396.646
Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	29.761.423
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	489.006.643
Nhận cổ tức	14.208.720.000
Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	13.309.920.000
Công ty CP Viettronics Đồng Đa	898.800.000

28.3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Giấy ủy quyền số 0004/UQ/ĐT-VP ngày 04/01/2018 của Ông Lê Thanh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, Ông Nguyễn Tiến Dũng – Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền là người ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

28.4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng